TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày: 30-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (thức ăn gia súc)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Ông Lương Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (thức ăn gia súc)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2022/QĐXXST-DS ngày 15/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà O, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 53, tổ 14, khu phố 5, phường N, thành phố P, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1976; Trú tại: Số 17/8D, tổ 11, khu phố 1A, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 28/12/2021) – Có mặt.

Bị đơn: Ông H, sinh năm 1981 và bà H, sinh năm 1980. Có mặt.

Cùng địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; cùng đăng ký tạm trú: Ấp B, xã P, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 02/7/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Ông T trình bày:

Bà O là hộ buôn bán nhỏ lẻ thức ăn gia súc tại phường N, thành phố P, tỉnh Đồng Nai. Bà O không có đăng ký kinh doanh.

Do quen biết với vợ chồng ông H, bà H nên bà O có bán cám heo cho vợ chồng ông H, bà H để chăn nuôi heo tại gia đình. Hình thức mua bán giữa hai bên là gối đầu (mỗi lần ông H, bà H xuất được lứa heo là thanh toán cho bà O để lấy cám mới).

Việc mua bán cám heo giữa hai bên bắt đầu từ năm 2012 đến ngày 29/8/2017 thì ông H và bà H ngừng lấy cám heo của bà O do không có tiền thanh toán tiền hàng cho bà O.

Ngày 28/12/2016, hai bên chốt sổ nợ, xác nhận vợ chồng ông H, bà H còn nợ của bà O số tiền 835.774.000 đồng (tám trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Số tiền này vợ chồng ông H, bà H chưa thanh toán cho bà O.

Sau khi chốt công nợ vào ngày 28/12/2016 thì vợ chồng ông H, bà H tiếp tục lấy cám heo của bà O. Theo đó, từ ngày 01/4/2017 đến ngày 29/8/2017 vợ chồng ông H, bà H đã nhiều lần lấy cám và nợ lại tiền của bà O với số tiền là 322.090.000 đồng (ba trăm hai mươi hai triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng), việc mua bán có ghi sổ sách và vợ chồng ông H đã ký nhận đầy đủ vào sổ sách của cả hai bên.

Ngày 15/8/2019, hai bên chốt sổ nợ và ông H và bà H đã thanh toán được cho bà O số tiền 120.000.000 đồng tiền nợ cám heo. Hiện nay ông H và bà H còn nợ bà O số tiền nợ gốc là 1.037.864.000 đồng bao gồm số tiền nợ mới phát sinh kể từ ngày 01/4/2017 đến ngày 29/8/2017 là 322.090.000 đồng (ba trăm hai mươi hai triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng), nợ cũ chốt công nợ vào ngày 28/12/2016 là 835.774.000 đồng (tám trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Từ sau khi chốt công nợ vào ngày 15/8/2019 cho đến nay, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ nhưng bị đơn cố tình trì hoãn, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn theo đúng như thỏa thuận.

Nay bà O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà H cùng liên đới thanh toán số tiền 1.279.167.380 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 1.037.864.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/3/2022) là 31 tháng 15 ngày, làm tròn thành 31 tháng với số tiền là 241.303.380 đồng. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Giấy xác nhận công nợ đề ngày 15/8/2019 có chữ ký xác nhận của ông H, bà H.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2022, Bản tự khai của ông H, bà H và lời khai trong quá trình tham gia hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn ông H và bà H cùng thống nhất trình bày:

Giữa vợ chồng ông H, bà H và bà O trước đây có mối quan hệ quen biết. Vợ chồng ông bà có chăn nuôi heo nhỏ lẻ, không đăng ký kinh doanh. Giữa hai bên có mua bán cám heo với nhau rất nhiều lần từ năm 2012 cho đến năm 2017 thì ngưng. Quá trình mua bán, có lần thanh toán tiền mặt, có lần vợ chồng ông bà lấy hàng trước, nợ lại tiền và thanh toán dần theo hình thức gối đầu cho bà O. Qua các lần lấy hàng, hai bên có ghi lại tiền nợ theo sổ cá nhân của mỗi bên, và đều có ghi rõ số lượng, ký hiệu sản phẩm, mã hàng hóa (tên loại thức ăn) và đơn giá mỗi loại sản phẩm, tổng số tiền cụ thể mỗi lần mua bán thức ăn gia súc.

Tổng số tiền ông bà lấy cám heo của bà O từ trước đến nay là 7.879.082.000 đồng, đã thanh toán cho bà O được số tiền 7.879.082.000 đồng. Còn nợ lại của bà O tiền cám heo là 1.152.864.000 đồng, bao gồm tiền nợ mới theo chốt công nợ vào ngày 29/8/2017 là 322.090.000 đồng (ba trăm hai mươi hai triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng) và nợ cũ chốt công nợ vào ngày 28/12/2016 là 835.774.000 đồng (tám trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Quá trình mua bán, vợ chồng ông H, bà H đã thanh toán được cho bà O số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền nợ gốc là 1.037.864.000đồng.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông H và bà H cùng và có ý kiến như sau:

- Vợ chồng ông, bà đồng ý thanh toán cho bà O số tiền mua cám heo còn nợ là 1.037.864.000 đồng (một tỷ, không trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), tuy nhiên đề nghị nguyên đơn giảm cho bị đơn 50% tiền nợ gốc (1.037.864.000 đồng) là 518.932.000 đồng.

- Do tình hình chăn nuôi gặp khó khăn nên đề nghị bị đơn miễn toàn bộ tiền lãi suất cho các bị đơn.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến tranh luận: Các bị đơn đều thừa nhận hiện nay còn nợ của nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.037.864.000 đồng, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn liên đới thanh toán nợ gốc là 1.037.864.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/3/2022) là 31 tháng 15 ngày, làm tròn thành 31 tháng với số tiền là 241.303.380 đồng.

- Bị đơn ông H, bà H trình bày ý kiến tranh luận: Ông H, bà H cùng thừa nhận hiện nay vợ chồng ông bà còn nợ của bà O tiền cám heo là 1.037.864.000đồng. Tuy nhiên, do tình hình chăn nuôi gặp nhiều khó khăn nên các bị đơn chỉ có khả năng thanh toán được 60% trên tổng số tiền nợ gốc, tương đương với số tiền là 622.718.400 đồng, bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn 40% số

tiền nợ gốc còn lại và đề nghị miễn toàn bộ tiền lãi vì tình hình chăn nuôi thua lỗ.

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C có ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, các đương sự và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông H và bà H trả số tiền nợ gốc là 1.037.864.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định. Đối với việc các bị đơn cho rằng nguyên đơn tính tiền lãi theo mức lãi suất 2,5%/bao cám/ngày vào số tiền nợ gốc là không có cơ sở nên đề nghị không chấp nhận.

Các đương sự không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà O khởi kiện yêu cầu ông H và bà H cùng liên đới trả tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ. Bị đơn ông H, bà H đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại ấp B, xã P, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (thức ăn gia súc)"* theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn:

Nguyên đơn bà O khởi kiện đối với bị đơn ông H và bà H, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà H cùng liên đới thanh toán số tiền 1.279.167.380 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.037.864.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/3/2022) là 31 tháng 15 ngày, làm tròn thành 31 tháng với số tiền là 241.303.380 đồng. Các bị đơn cùng thừa nhận hiện nay còn nợ của nguyên đơn số tiền nợ gốc phát sinh từ việc mua cám heo là 1.037.864.000 đồng. Tuy nhiên, do tình hình chăn nuôi gặp nhiều khó khăn nên các bị đơn chỉ đồng ý thanh toán số tiền 60% trên tổng số tiền nợ gốc, tương đương với số tiền là 622.718.400 đồng, bị đơn đề nghị nguyên đơn giảm 40% tiền nợ gốc còn lại và đề nghị miễn toàn bộ tiền lãi vì tình hình chăn nuôi thua lỗ.

[2.2] Xét hợp đồng mua bán tài sản giữa các bên: Xét thấy việc thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc giữa bà Bà O và ông H, bà H là tự

nguyện ký kết, mục đích và nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, thỏa thuận này giữa hai bên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ khi phát sinh tranh chấp.

[2.3] Xét từng yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

- Về nợ gốc: Bị đơn ông H, bà H cùng thừa nhận hiện nay ông H, bà H còn nợ của bà O số tiền mua cám heo là 1.037.864.000 đồng (một tỷ, không trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Xét thấy, trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất thừa nhận có việc ký kết hợp đồng mua bán thức ăn gia súc và hiện nay ông H, bà Hàng còn nợ bà O khoản tiền gốc là 1.037.864.000 đồng (một tỷ, không trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Xét thấy đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, xét thấy yêu cầu của bà O buộc ông H, bà H phải liên đới thanh toán khoản nợ gốc 1.037.864.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 440, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.4] Về việc các bị đơn cho rằng do việc chăn nuôi thua lỗ nên chỉ đồng ý thanh toán số tiền 622.718.400 đồng tương đương với 60% tổng số tiền nợ gốc (1.037.864.000 đồng) và đề nghị nguyên đơn giảm 40% tiền nợ gốc còn lại nhưng không được đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý và đề nghị này không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.5] Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi suất 0,75% /tháng tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày 30/3/2022 là 31 tháng 15 ngày, đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị làm tròn thành 31 tháng với số tiền 241.303.380 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày do chăn nuôi thua lỗ nên đề nghị được miễn toàn bộ tiền lãi. Xét thấy, bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ tiền lãi nhưng không được nguyên đơn đồng ý và nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán. Xét yêu cầu về tính tiền lãi của nguyên đơn là phù hợp Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận, cần buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi chậm thanh toán, cụ thể: chấp nhận tính tiền lãi từ ngày 15/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/3/2022) là 31 tháng 15 ngày, nguyên đơn đề nghị làm tròn thành 31 tháng là quyền quyết định, định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tính như sau: 1.037.864.000 đồng x 0,75%/tháng x 31 tháng = 241.303.380 đồng.

Từ các lập luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H, bà H liên đới thanh toán số tiền 1.279.167.380 đồng, trong đó nợ gốc là: 1.037.864.000 đồng, tiền lãi là: 241.303.380 đồng.

[2.6] Xét ý kiến của bị đơn cho rằng nguyên đơn tính 2,5%/bao cám/ngày vào số tiền nợ gốc. Xét thấy, tại sổ chốt nợ ngày 28/12/2016 và ngày 15/8/2019 do bị đơn cung cấp (bút lục 43) cùng với sổ chốt công nợ ngày

28/12/2016 và ngày 15/8/2019 do nguyên đơn cung cấp (bút lục 04) đều thể hiện cùng một nội dung: *"nợ cám cũ gốc chưa cộng lãi, chưa có lãi suất"*, điều này chỉ thể hiện các bên chốt lại số tiền nợ gốc chưa thanh toán và không thể hiện nội dung các bên có cộng tiền lãi vào số tiền nợ gốc khi chốt công nợ. Ngoài ra, ý kiến bị đơn đưa ra cho rằng nguyên đơn tính 2,5%/bao cám/ngày trên số tiền nợ gốc nhưng không được nguyên đơn thừa nhận, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh được nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn bà Bà O không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông H và bà H phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 288; Điều 430; Điều 440; Điều 357; khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bà O đối với bị đơn ông H, bà H về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa (thức ăn gia súc)".

Buộc ông H và bà H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Bà O số tiền 1.279.167.380 đồng (một tỷ, hai trăm bảy mươi chín triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H và bà H phải chịu 50.375.021 đồng (năm mươi triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, không trăm hai mươi mốt đồng).

Hoàn trả cho bà Bà O 24.253.433 đồng (hai mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004658, ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đậu Thị Thảo